

TÌM HIỂU  
**LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

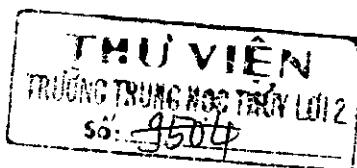
3.34 (V)4  
Mã số: \_\_\_\_\_  
CTQG-2006

344.04  
TS VDTT

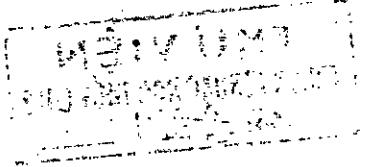
Luật gia VƯƠNG THỊ LAN PHƯƠNG  
(Biên soạn)

TÌM HIỂU  
**LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

VV 500 120



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
Hà Nội - 2006



## CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Ngày 29 tháng 11 năm 2005, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật bảo vệ môi trường và Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

Đây là một văn bản luật quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường.

Nhằm góp phần tuyên truyền, giải thích và hướng dẫn thực hiện Luật bảo vệ môi trường, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách **Tìm hiểu Luật bảo vệ môi trường** do Luật gia Vương Thị Lan Phương biên soạn. Nội dung cuốn sách bao gồm:

Phần I: Những vấn đề cần biết về Luật bảo vệ môi trường.

Phần II: Luật bảo vệ môi trường.

Hy vọng cuốn sách sẽ đem đến cho bạn đọc những kiến thức cần thiết về Luật bảo vệ môi trường. Tuy nhiên trong quá trình biên soạn khó tránh khỏi thiếu sót, Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc!

Tháng 03 năm 2006

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Figure 10. The effect of the number of nodes on the error.

在於此，故其後人之學，亦復以爲子思之傳也。蓋子思之學，實出於孟子，而孟子之學，又實出於子思者，則非獨我之見也。

1. *What is the best way to learn English?*

For more information about the study, please contact Dr. John P. Wilson at (404) 727-6777 or via e-mail at [jpwilson@veterans.gov](mailto:jpwilson@veterans.gov).

19. The following table gives the number of hours worked by each of the 1000 workers.

<sup>1</sup> See also the discussion of the "moral economy" in the section on "Economic Theory."

19. The following table gives the number of deaths from smallpox in the United States during the year 1800.

...and the other side of the world, the other side of the ocean, the other side of the sun.

1. The following table gives the number of hours worked by each of the 100 workers in a certain plant.

1996-1997 学年第一学期期中考试高二数学(文科)参考答案

10. The following table gives the number of hours worked by each of the 100 workers.

19. *Chlorophytum comosum* (L.) Willd. subsp. *comosum*

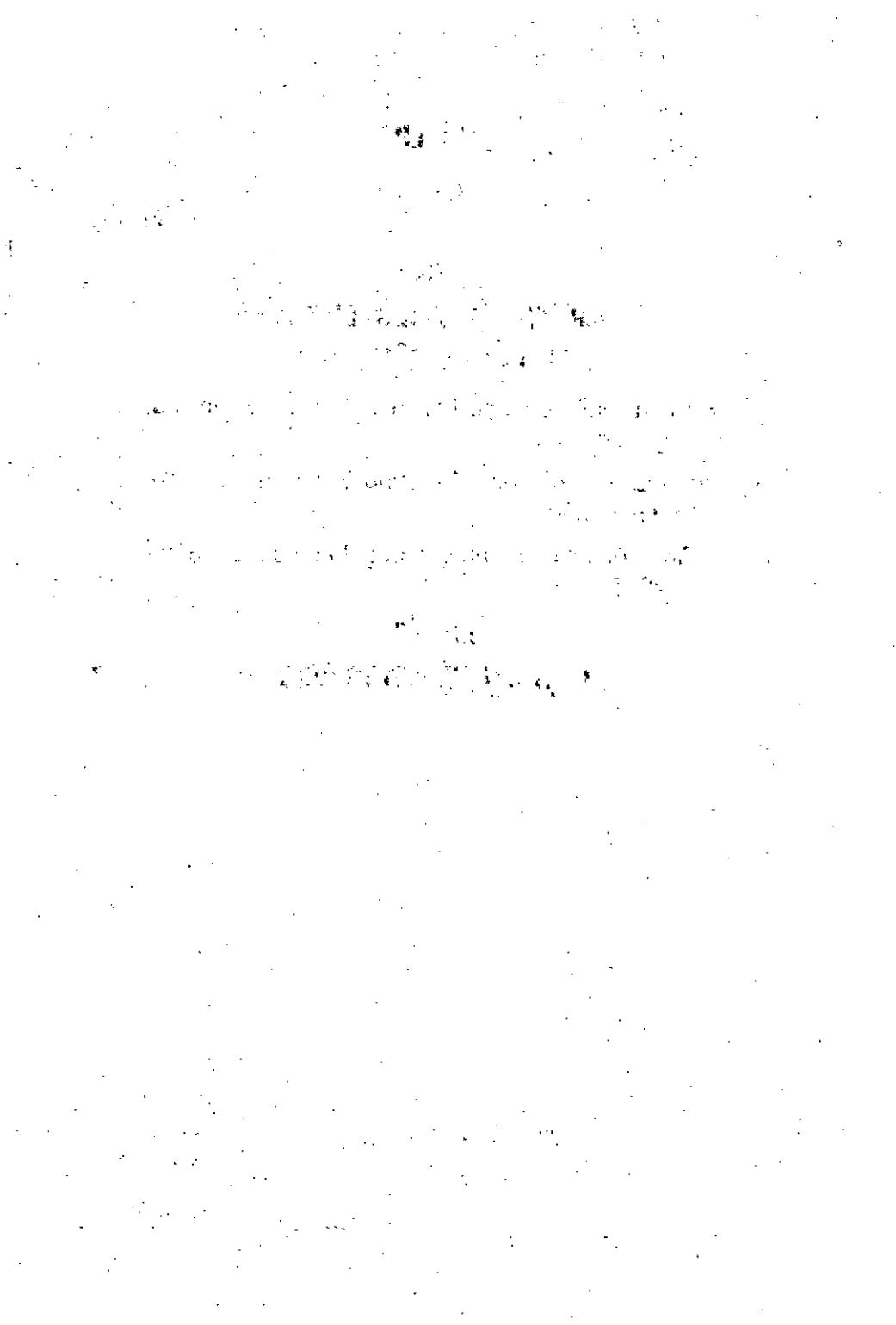
10. The following table gives the number of hours worked by each of the 100 workers.

10. The following table shows the number of hours worked by each employee.

For the first time, we have been able to measure the effect of the magnetic field on the energy loss function of a single molecule.

# **MỤC LỤC**

	Trang	
<b>Phần I</b>		
<b>NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BIẾT VỀ</b>		
<b>LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>		
	9	
I	Sự cần thiết của việc ban hành Luật bảo vệ môi trường năm 2005	11
II	Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật bảo vệ môi trường năm 2005	14
III	Những nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường năm 2005	15
<b>Phần II</b>		
<b>LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>		
	47	



## **Phân I**

---

# **NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BIẾT VỀ LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**



## I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC BAN HÀNH LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2005

Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật. Ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với đời sống của con người, ngày 27/12/1993 tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá IX đã thông qua Luật bảo vệ môi trường đặt nền móng cho việc hình thành hệ thống pháp luật về môi trường ở nước ta. Lần đầu tiên các khái niệm về bảo vệ môi trường đã được định nghĩa một cách chuẩn tắc; quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân được phân định, ràng buộc bằng các quy định pháp luật.

Sau 12 năm tham gia điều chỉnh các quan hệ liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường, Luật bảo vệ môi trường năm 1993 đã góp phần hạn chế tốc độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường ở một số nơi; nâng cao một bước về nhận thức, hình thành ý thức bảo vệ môi trường trong xã hội, tạo cơ sở cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; tiến trình phát triển kinh tế - xã hội đã có những biểu hiện bền vững, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, hỗ trợ hội nhập kinh tế quốc tế vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Tuy nhiên Luật bảo vệ môi trường năm 1993 được ban hành vào giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới, nên đến nay đã có nhiều điểm bất cập cần phải sửa đổi.

Thứ nhất, trong thực tế việc thi hành những quy định của pháp luật về môi trường trong thời gian qua gặp rất nhiều khó khăn, do mâu thuẫn giữa việc phát triển kinh tế

với việc bảo vệ môi trường. Bản thân Luật bảo vệ môi trường năm 1993 có những bất cập như: nhiều quy phạm mới chỉ dừng lại ở mức khung, thiếu cụ thể và chưa rõ ràng nên hiệu lực thi hành thấp; chưa luật hoá các chính sách lớn, quan trọng về phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước trong thời gian qua cũng như các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Luật bảo vệ môi trường năm 1993 còn có hạn chế như chưa quy định rõ về quy hoạch, kế hoạch hoá về bảo vệ môi trường; chưa thể hiện sự phân cấp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường một cách rõ ràng; chưa thể hiện rõ việc dùng các công cụ tài chính trong việc bảo vệ môi trường như thuế, cota, nhãn sinh thái... Những quy định về quản lý và sử dụng chất thải còn sơ sài; nhiều vấn đề về da dạng sinh học chưa được đề cập trong luật, ví dụ: về quản lý và bảo vệ các vùng đất ngập mặn, sản phẩm biến đổi gen...; tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường chưa được xây dựng; vấn đề quản lý môi trường ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, khu dân cư còn sơ sài.

Thứ hai, mặc dù tốc độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trong thời gian qua ở nước ta đã được kiềm chế, ý thức bảo vệ môi trường đã được nâng lên, nhưng môi trường nước ta vẫn tiếp tục bị xuống cấp nhanh, có nơi, có lúc đã đến mức báo động: đất đai bị xói mòn, thoái hoá; chất lượng các nguồn nước suy giảm mạnh; không khí nhiều khu đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm nặng; khối lượng phát sinh và mức độ độc hại của chất thải ngày càng tăng; tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức; da dạng sinh học bị suy giảm nghiêm trọng; điều kiện vệ sinh môi trường, cung cấp nước sạch nhiều nơi chưa được bảo đảm.

Môi trường nước ta sẽ phải chịu áp lực rất lớn khi công

nghiệp hoá, hiện đại hoá được đẩy mạnh, ví dụ: nhu cầu sử dụng tài nguyên thiên nhiên rất lớn và gia tăng các nguồn thải gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh chóng, gia tăng dân số nhanh cũng gây nên nhiều vấn đề môi trường bức xúc. Bên cạnh đó các vấn đề môi trường toàn cầu như biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học, ô nhiễm nguồn nước quốc tế có xu hướng tác động mạnh và nhiều mặt đến môi trường nước ta. Trước bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi, tiến trình toàn cầu hoá diễn ra sôi động, hội nhập kinh tế trở thành động lực thúc đẩy phát triển ở các nước trên thế giới; đời sống kinh tế xã hội trong nước thay đổi, chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đặt môi trường nước ta trước những cơ hội và thách thức rất lớn. Nhiều vấn đề môi trường mới, phức tạp xuất hiện. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung Luật bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phục vụ tốt hơn công cuộc phát triển bền vững đất nước là việc cần thiết.

Thứ ba, định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và chủ trương cải cách hành chính đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới và tăng cường thể chế về bảo vệ môi trường. Trong thời gian qua ở nước ta đã có sự thay đổi về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về môi trường để thực hiện chủ trương cải cách bộ máy hành chính; bên cạnh đó hiệu lực, hiệu quả điều chỉnh thực tế của hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường hiện hành trong thời gian qua cũng đòi hỏi Luật bảo vệ môi trường phải được nghiên cứu và sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ những lý do nêu trên đặt ra yêu cầu phải sửa đổi một cách cơ bản và toàn diện Luật bảo vệ môi trường năm 1993 là cần thiết.

## II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2005

Trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực trạng pháp luật, đặc điểm của tình hình môi trường nước ta, quá trình xây dựng Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã quán triệt những quan điểm và những nguyên tắc sau đây:

1. Quán triệt, thể chế hoá quan điểm Đại hội lần thứ IX của Đảng về việc cần thiết “phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”; đặc biệt là các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Những quy định phải phù hợp với thực tiễn trong nước, trình độ, năng lực thực thi pháp luật hiện tại của các đối tượng áp dụng; đồng thời có tính đến yêu cầu bảo vệ môi trường của cả thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3. Kế thừa những ưu điểm, khắc phục những bất cập của Luật bảo vệ môi trường năm 1993; luật hoá một số quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 1993 đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trong khu vực và trên thế giới về bảo vệ môi trường.

4. Gắn với yêu cầu đổi mới việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật và cải cách nền hành chính nhà nước. Theo đó, Luật bảo vệ môi trường lần này phải cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu, vừa gắn kết và hài hoà với các luật chuyên ngành có liên quan, vừa thể hiện rõ vai trò chủ đạo trong việc điều chỉnh các quan hệ liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường.

### **III. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2005**

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 được Quốc hội khoá XI thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 29/11/2005 gồm 15 chương, 136 điều, nhiều hơn 81 điều và 8 chương so với Luật bảo vệ môi trường năm 1993. Luật bảo vệ môi trường năm 2005 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2006, thay thế Luật bảo vệ môi trường năm 1993. Nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường năm 2005 như sau:

#### **1. Về đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

Trước đây, Luật bảo vệ môi trường năm 1993 có phạm vi điều chỉnh là các hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp, cải thiện môi trường, bảo đảm cân bằng sinh thái, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên (Điều 1). Tuy nhiên, Luật này mới chỉ dừng lại ở quy định khá sơ sài, chủ yếu là mới nêu lên ở mức chung nhất những hoạt động bảo vệ môi trường.

Khắc phục tình trạng đó, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 tại Điều 1 quy định phạm vi điều chỉnh của Luật này là quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường. Như vậy, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã có quy định mở rộng và cụ thể hơn về phạm vi điều chỉnh so với Luật bảo vệ môi trường năm 1993. Theo đó, chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường cũng đã được Luật điều chỉnh.

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng quy định cụ thể về đối tượng áp dụng là các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác (Điều 2), mà trước đây Luật bảo vệ môi trường năm 1993 không quy định rõ. Quy định này cũng làm rõ đối tượng điều chỉnh nhằm làm cơ sở để áp dụng Luật bảo vệ môi trường năm 2005 với các điều ước quốc tế có liên quan.

## 2. Về nguyên tắc bảo vệ môi trường

Nguyên tắc bảo vệ môi trường là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo trong quá trình bảo vệ môi trường. Điều 4 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định việc bảo vệ môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

- Bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững đất nước; bảo vệ môi trường quốc gia phải gắn với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

- Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội, quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

- Hoạt động bảo vệ môi trường phải thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

- Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hoá, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### **3. Về chính sách của Nhà nước đối với việc bảo vệ môi trường**

Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường là quy định mới của Luật bảo vệ môi trường năm 2005 so với Luật bảo vệ môi trường năm 1993. Đây là những quy định nhằm thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, từng bước xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Điều 5 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã quy định những chính sách cơ bản của Nhà nước về bảo vệ môi trường như: khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động, kết hợp áp dụng các biện pháp hành chính, kinh tế và các biện pháp khác để xây dựng ý thức tự giác, kỷ cương trong hoạt động bảo vệ môi trường; sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; ưu tiên giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc; tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; đầu tư bảo vệ môi trường là đầu tư phát triển; ưu đãi về đất đai, thuế, hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường và các sản phẩm thân thiện với môi trường; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, khuyến khích nghiên cứu, áp dụng và chuyển giao các thành tựu khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường; phát triển kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường;...

Ngoài ra, tại Điều 6 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng quy định về những hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích như: tuyên truyền, giáo dục và vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ và sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; giảm thiểu, thu gom, tái chế và tái sử dụng chất thải; phát triển, sử dụng

năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính, phá huỷ tầng ôzôn; đăng ký cơ sở đạt tiêu chuẩn môi trường, sản phẩm thân thiện với môi trường; nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường; đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất thiết bị, dụng cụ bảo vệ môi trường; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thân thiện với môi trường; cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường; bảo tồn và phát triển nguồn gen bản địa; lai tạo, nhập nội các nguồn gen có giá trị kinh tế và có lợi cho môi trường; xây dựng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, cơ quan, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thân thiện với môi trường; phát triển các hình thức tự quản và tổ chức hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường của cộng đồng dân cư; hình thành nếp sống, thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, xoá bỏ hủ tục gây hại đến môi trường; đóng góp kiến thức, công sức, tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường.

Như vậy, chính sách của Nhà nước đối với việc bảo vệ môi trường được nêu ra trong Luật bảo vệ môi trường năm 2005 là khá toàn diện thể hiện tầm quan trọng của vấn đề môi trường trong điều kiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế của nước ta hiện nay.

#### **4. Về vấn đề tiêu chuẩn môi trường**

Tiêu chuẩn môi trường là giới hạn cho phép của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, về hàm lượng các chất gây ô nhiễm trong chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định làm căn cứ để quản lý và bảo vệ môi trường. Trước đây, Luật bảo vệ môi trường năm 1993 mới chỉ quy định việc ban hành một hệ thống tiêu chuẩn môi trường là một trong những nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên để có một hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường, chúng ta đã phải mất gần 10 năm

kể từ sau khi ban hành Luật. Trong khi đó, môi trường Việt Nam vẫn tiếp tục bị xuống cấp nghiêm trọng do không có biện pháp, quy định về bảo vệ môi trường hữu hiệu. Một trong những lý do đó là cơ sở để ban hành, nội dung để xây dựng một hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường chưa được quy định rõ.

Khắc phục tình trạng đó, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã dành hẳn một chương quy định về tiêu chuẩn môi trường. Tại Chương II, từ Điều 8 đến Điều 13, quy định những nguyên tắc về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn môi trường; nội dung tiêu chuẩn môi trường quốc gia; hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia. Theo đó, việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn môi trường phải đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường; phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường; ban hành kịp thời, có tính khả thi, phù hợp với mức độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ công nghệ của đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; phù hợp với đặc điểm của vùng, ngành, loại hình và công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (khoản 1 Điều 8).

Hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia bao gồm tiêu chuẩn về chất lượng môi trường xung quanh và tiêu chuẩn về chất thải. Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng quy định cụ thể các nhóm tiêu chuẩn môi trường trong tiêu chuẩn môi trường xung quanh và tiêu chuẩn về chất thải (Điều 10).

Việc ban hành và công bố áp dụng tiêu chuẩn môi trường quốc gia cũng được Luật bảo vệ môi trường năm 2005 xác định rõ ràng, minh bạch. Theo đó, Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành và công nhận tiêu chuẩn môi trường quốc gia; Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố, quy định lộ trình áp dụng, hệ số khu vực, vùng, ngành cho việc áp dụng tiêu chuẩn môi trường quốc gia phù hợp với sức chịu tải của môi trường. Việc điều chỉnh tiêu

chuẩn môi trường quốc gia được thực hiện năm năm một lần, trừ trường hợp một số tiêu chuẩn không còn phù hợp trong thực tế (Điều 13).

## 5. Về đánh giá môi trường

Định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong những nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường được quy định trong Luật bảo vệ môi trường năm 1993. Tuy nhiên, tác động của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đối với môi trường rất phức tạp.

Do vậy, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã có quy định mới về đánh giá môi trường chiến lược. Đánh giá môi trường chiến lược là việc phân tích, dự báo các tác động đến môi trường chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trước khi phê duyệt nhằm bảo đảm phát triển bền vững. Quy định về đánh giá môi trường chiến lược đôi với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển là cần thiết vì việc bảo vệ môi trường sẽ không có hiệu quả trong một dự án cụ thể và riêng lẻ mà phải thực hiện đồng bộ, có tính đến nhiều yếu tố tác động khác nhau. Điều 14 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định rõ những đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược gồm: chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp quốc gia; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên quy mô cả nước; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, vùng; quy hoạch sử dụng đất; bảo vệ và phát triển rừng; khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác trên phạm vi liên tỉnh, liên vùng; quy hoạch phát triển vùng kinh tế trọng điểm; quy hoạch tổng hợp lưu vực sông quy mô liên tỉnh.

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng tiếp tục kế thừa những quy định hợp lý trong Luật bảo vệ môi trường năm

1993 về đánh giá tác động môi trường, đồng thời có những quy định phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Nói chung, công tác đánh giá tác động môi trường trong thời gian qua đã phần nào đáp ứng kịp thời về mặt thể chế, chính sách nhằm tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế song song với việc bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, Luật bảo vệ môi trường năm 1993 chỉ quy định việc đánh giá tác động môi trường áp dụng đối với các dự án, và việc áp dụng đối với các cơ sở đang sản xuất kinh doanh nên tính khả thi không cao và không phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy trong thực tế việc bảo đảm về môi trường đối với các cơ sở đang sản xuất kinh doanh mặc dù phải có Báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhưng chủ yếu lại thông qua cơ chế kiểm tra, kiểm soát. Điều này là không phù hợp vì hầu hết các nước trên thế giới đều quy định việc báo cáo đánh giá tác động môi trường chỉ được thực hiện trước đối với các dự án.

Để bảo đảm quy định này phù hợp với thông lệ chung trên thế giới, Điều 18 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã loại bỏ quy định bắt buộc các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường mà chỉ quy định áp dụng việc đánh giá tác động môi trường đối với những đối tượng là các dự án. Theo đó, chủ các dự án sau đây phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: dự án công trình quan trọng quốc gia; dự án có sử dụng một phần diện tích đất hoặc có ảnh hưởng xấu đến khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, các khu di tích lịch sử - văn hoá, di sản tự nhiên, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng; dự án có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến nguồn nước lưu vực sông, vùng ven biển, vùng có hệ sinh thái được bảo vệ; dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, cụm làng nghề; dự án xây dựng mới đô thị, khu dân cư tập trung; dự án khai thác, sử dụng nước dưới đất, tài nguyên thiên nhiên quy mô lớn; dự án khác có tiềm ẩn nguy cơ lớn gây tác động xấu đối với môi trường.

Kể từ ngày 1/7/2006 những cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động trước ngày Luật bảo vệ môi trường năm 1993 có hiệu lực không phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhưng Nhà nước sẽ áp dụng cơ chế kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của họ.

Đối với những trường hợp không phải đánh giá tác động môi trường chiến lược và báo cáo đánh giá tác động môi trường, thì vẫn phải bảo đảm những quy định về môi trường bằng việc cam kết bảo vệ môi trường. Theo quy định tại Điều 24 Luật này, đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình và đối tượng không phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và báo cáo đánh giá tác động môi trường thì phải có bản cam kết bảo vệ môi trường. Đối với đối tượng này Uỷ ban nhân dân cấp huyện là nơi đăng ký cam kết. Họ chỉ được triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sau khi đã đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường (Điều 26). Đây cũng là quy định mới của Luật bảo vệ môi trường năm 2005 so với Luật bảo vệ môi trường năm 1993, nhằm bảo vệ môi trường một cách toàn diện, bền vững đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong điều kiện nước ta đang khuyến khích các thành phần tham gia phát triển kinh tế.

## **6. Về bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên**

Luật bảo vệ môi trường năm 1993 quy định về bảo tồn và sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại Điều 12 và Điều 13. Tuy nhiên những điều luật này mới dừng lại ở quy định chung. Khắc phục tình trạng này, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định về việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên thành một chương riêng. Qua đó quy định những vấn đề cụ thể như điều tra, đánh giá, lập quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển cảnh quan thiên nhiên...

Theo đó, các nguồn tài nguyên thiên nhiên phải được điều tra, đánh giá trữ lượng, khả năng tái sinh, giá trị kinh tế để làm căn cứ lập quy hoạch sử dụng và xác định mức độ giới hạn cho phép khai thác, mức thuế môi trường, phí bảo vệ môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường và biện pháp khác về bảo vệ môi trường. Quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên phải gắn với quy hoạch bảo tồn thiên nhiên (Điều 28).

Đối với việc bảo tồn thiên nhiên, Điều 29 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định khu vực, hệ sinh thái có giá trị đa dạng sinh học quan trọng đối với quốc gia, quốc tế phải được điều tra, đánh giá, lập quy hoạch bảo vệ dưới hình thức khu bảo tồn biển, vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn loài - sinh cảnh.

Đối với việc bảo vệ đa dạng sinh học, phải được thực hiện trên cơ sở bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư địa phương và các đối tượng có liên quan. Nhà nước thành lập các ngân hàng gen để bảo vệ và phát triển các nguồn gen bản địa quý hiếm; khuyến khích việc nhập nội các nguồn gen có giá trị cao (Điều 30).

Đối với việc bảo vệ và phát triển cảnh quan thiên nhiên, Nhà nước khuyến khích phát triển các mô hình sinh thái đối với thôn, làng, bản, ấp, buôn, phum, sóc, khu dân cư, khu công nghiệp, khu vui chơi, khu du lịch và các loại hình cảnh quan thiên nhiên khác để tạo ra sự hài hoà giữa con người và thiên nhiên. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động quy hoạch, xây dựng, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt phải bảo đảm các yêu cầu về giữ gìn, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên (Điều 31).

Đối với việc phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sản phẩm thân thiện với môi trường, Nhà nước

khuyến khích việc phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sản phẩm thân thiện với môi trường. Tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường được Nhà nước ưu đãi về thuế, hỗ trợ vốn, đất đai để xây dựng cơ sở sản xuất. Nhà nước khuyến khích sản xuất, tiêu dùng các sản phẩm, hàng hoá ít gây ô nhiễm môi trường, dễ phân huỷ trong tự nhiên; sử dụng chất thải để sản xuất năng lượng sạch; sản xuất, nhập khẩu, sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông dùng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (Điều 33).

Đối với việc xây dựng thói quen tiêu dùng thân thiện với môi trường, Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tiêu dùng các loại sản phẩm tái chế từ chất thải, sản phẩm hữu cơ, bao gói dễ phân huỷ trong tự nhiên, sản phẩm được cấp nhãn sinh thái và sản phẩm khác thân thiện với môi trường (khoản 1 Điều 34).

## **7. Về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

Luật bảo vệ môi trường năm 1993 có quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 về việc phòng chống suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường đối với các tổ chức, cá nhân khi khai thác các thành phần của môi trường. Tuy nhiên những quy định này mới chỉ dừng lại ở quy định có tính nguyên tắc, chưa cụ thể trong từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Khắc phục tình trạng đó, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã có một chương riêng quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định một cách cụ thể việc bảo vệ môi trường đối với các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Cụ thể là:

Đối với lĩnh vực công nghiệp, Luật bảo vệ môi trường

năm 2005 quy định cụ thể trách nhiệm bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ (Điều 35), đưa ra những yêu cầu đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (Điều 36), những yêu cầu đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (Điều 37) đối với làng nghề (Điều 38)

Đối với bệnh viện, cơ sở y tế khác, phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường như phải có hệ thống hoặc biện pháp thu gom, xử lý nước thải y tế và vận hành thường xuyên, đạt tiêu chuẩn môi trường; bố trí thiết bị chuyên dùng để phân loại bệnh phẩm, rác thải y tế tại nguồn; có biện pháp xử lý, tiêu huỷ bệnh phẩm, rác thải y tế, thuốc hết hạn sử dụng bảo đảm vệ sinh, tiêu chuẩn môi trường; có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra; chất thải rắn, nước thải sinh hoạt của bệnh nhân phải được xử lý sơ bộ loại bỏ các mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về cơ sở xử lý, tiêu huỷ tập trung... (Điều 39).

Đối với hoạt động xây dựng thì trong quy hoạch phải tuân thủ tiêu chuẩn và yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trong thi công công trình phải bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá tiêu chuẩn cho phép nếu công trình xây dựng trong khu dân cư; vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng các phương tiện bảo đảm kỹ thuật không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường; nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường (Điều 40).

Đối với hoạt động giao thông vận tải, việc quy hoạch phải tuân thủ tiêu chuẩn và yêu cầu về bảo vệ môi trường; ôtô, mô tô và các phương tiện giao thông cơ giới được sản xuất, lắp ráp trong nước hoặc nhập khẩu phải bảo đảm tiêu

chuẩn về khí thải, tiếng ồn và phải được cơ quan đăng kiểm kiểm tra, xác nhận mới được đưa vào sử dụng. Đối với việc vận chuyển hàng hoá, vật liệu có nguy cơ gây sự cố môi trường phải sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng, có giấy phép vận chuyển và phải đi theo tuyến đường và thời gian quy định trong giấy phép (Điều 41).

Đối với hoạt động thương mại, quy định về nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu, hoá chất phải đáp ứng tiêu chuẩn môi trường. Do đó không thể dùng biện pháp cấm nhập phế liệu để bảo vệ môi trường (Điều 43).

Đối với hoạt động khoáng sản, tổ chức, cá nhân khi tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, phục hồi môi trường (Điều 44).

Đối với hoạt động du lịch, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu du lịch, điểm du lịch phải niêm yết quy định về bảo vệ môi trường tại khu du lịch, điểm du lịch và hướng dẫn thực hiện; lắp đặt, bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải; bố trí lực lượng làm vệ sinh môi trường. Đối với khách du lịch thì phải có trách nhiệm tuân thủ nội quy, hướng dẫn về bảo vệ môi trường của khu du lịch, điểm du lịch; vứt chất thải vào thiết bị thu gom chất thải đúng nơi quy định; không được xâm hại cảnh quan, khu bảo tồn thiên nhiên, di sản tự nhiên, các loài sinh vật tại khu du lịch, điểm du lịch (Điều 45).

Đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp, thì tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan; không được kinh doanh, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép (Điều 46).

Đối với hoạt động nuôi trồng thuỷ sản, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc thú y, hoá chất trong nuôi trồng thuỷ sản phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan; không được sử dụng thuốc thú y, hoá chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thuỷ sản (Điều 47).

Đối với hoạt động mai táng, Luật bảo vệ môi trường năm 1993 đã có quy định tại Điều 27. Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã tiếp thu và quy định tại Điều 48 như sau: nơi chôn cất, mai táng phải có vị trí, khoảng cách đáp ứng điều kiện về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư; không gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, sản xuất. Việc quàn, ướp, di chuyển, chôn cất thi thể, hài cốt phải bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường. Mai táng người chết do dịch bệnh nguy hiểm phải được thực hiện theo quy định của Bộ Y tế. Nhà nước khuyến khích cộng đồng dân cư, người dân thực hiện chôn cất trong khu nghĩa trang, nghĩa địa theo quy hoạch; hỏa táng hợp vệ sinh, xoá bỏ hủ tục mai táng gây ô nhiễm môi trường.

Khi các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường thì bị phạt tiền và buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; hoặc bị tạm thời đình chỉ hoạt động cho đến khi thực hiện xong biện pháp bảo vệ môi trường cần thiết; hoặc bị xử lý bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp có thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc gây ô nhiễm môi trường thì còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại mục 2 Chương XIV của Luật này hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khoản 1 Điều 49).

Khi cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thì ngoài việc bị xử lý theo các hình thức quy định nêu trên, còn bị buộc di dời cơ sở đến vị trí xa khu dân cư và phù hợp với sức chịu tải của môi trường; hoặc cấm hoạt động (khoản 2 Điều 49).

Khoản 3 Điều 49 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng có sự phân định rõ trách nhiệm và thẩm quyền quyết định xử lý đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng giữa các cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các cấp.

## **8. Về bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư**

Cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội, trong những năm qua đời sống của nhân dân đã có sự thay đổi đáng kể. Nhiều đô thị mới, khu dân cư ra đời đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Song bên cạnh đó vấn đề ô nhiễm môi trường cũng đã đặt ra hết sức cấp bách đối với các đô thị và khu dân cư. Luật bảo vệ môi trường năm 2005 ban hành đã quy định vấn đề bảo vệ môi trường đối với đô thị, khu dân cư thành một chương riêng cho thấy tính chất cấp bách của việc bảo vệ môi trường tại khu đô thị, khu dân cư. Luật bảo vệ môi trường năm 1993 trước đây chỉ mới quy định việc bảo vệ môi trường tại đô thị và khu dân cư ở mức độ nguyên tắc chung. Để bảo đảm tính hiệu lực và hiệu quả, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã có quy định cụ thể đối với việc bảo vệ môi trường tại đô thị, khu dân cư như vấn đề quy hoạch bảo vệ môi trường; yêu cầu bảo vệ môi trường đối với đô thị, khu dân cư tập trung; bảo vệ môi trường nơi công cộng; yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình; khuyến khích xây dựng tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường.

Theo đó, việc quy định quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư phải là một nội dung của quy hoạch đô thị, khu dân cư (Điều 50). Đồng thời Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng có quy định cấm xây dựng mới cơ sở sản xuất, kinh doanh tiềm ẩn nguy cơ lớn về ô nhiễm, sự cố môi trường trong đô thị, khu dân cư (khoản 3 Điều 50).

Đối với đô thị, để bảo vệ môi trường thì phải có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; có thiết bị, phương tiện thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại từ các hộ gia đình trong khu dân cư; bảo đảm các yêu cầu về cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường (khoản 1 Điều 51). Đối với khu dân cư tập trung thì phải có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của khu dân cư; có nơi tập trung rác thải sinh hoạt bảo đảm vệ sinh môi trường (khoản 2 Điều 51).

Đối với nơi công cộng, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh ở nơi công cộng; đổ, bỏ rác vào thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng (khoản 1 Điều 52). Những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, vi phạm quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng bị xử lý bằng các biện pháp như: phạt tiền; buộc lao động vệ sinh môi trường có thời hạn tại nơi công cộng; tạm giữ phương tiện có liên quan gây ra ô nhiễm môi trường (khoản 3 Điều 52).

Đối với hộ gia đình thì phải có trách nhiệm thu gom và chuyển chất thải sinh hoạt đến đúng nơi do tổ chức giữ gìn vệ

sinh môi trường tại địa bàn quy định; xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải; không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn và tác nhân khác vượt quá tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh; nộp đủ và đúng thời hạn các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật... Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường là một trong những tiêu chí gia đình văn hoá (Điều 53).

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng có quy định mới khuyến khích cộng đồng dân cư thành lập tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống nhằm kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình, cá nhân thực hiện quy định về giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường; tổ chức thu gom, tập kết và xử lý rác thải, chất thải; giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, khu phố, nơi công cộng; xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước về bảo vệ môi trường; tuyên truyền, vận động nhân dân xoá bỏ các hủ tục, thói quen mất vệ sinh, có hại cho môi trường; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn (Điều 54).

## **9. Về bảo vệ môi trường biển, nước sông và các nguồn nước khác**

Bảo vệ môi trường biển, nước sông và các nguồn nước khác là chương mới của Luật bảo vệ môi trường năm 2005 so với Luật bảo vệ môi trường năm 1993. Trong những năm gần đây cùng với việc phát triển của nền kinh tế nước ta, thì vấn đề ô nhiễm môi trường nước diễn ra đến mức báo động do khai thác thiếu kế hoạch, không gắn với bảo vệ môi trường. Để góp phần bảo vệ hữu hiệu tài nguyên nước thì việc quy định vấn đề bảo vệ môi trường biển, nước sông và các nguồn nước khác thành một chương riêng nhằm cụ thể hóa quyền

và nghĩa vụ đối với các chủ thể trong việc bảo vệ môi trường đối với từng loại tài nguyên nước là cần thiết.

Đối với việc bảo vệ môi trường nước biển phải dựa trên nguyên tắc bảo vệ môi trường là một nội dung của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế biển nhằm giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường biển và tăng hiệu quả kinh tế biển; phòng ngừa và hạn chế chất thải từ đất liền và từ các hoạt động trên biển, chủ động, phối hợp ứng phó sự cố môi trường biển; bảo vệ môi trường biển phải trên cơ sở phân vùng chức năng bảo vệ và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường biển phải gắn với quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường biển phục vụ phát triển bền vững (Điều 55). Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng quy định nghiêm cấm việc sử dụng các biện pháp, phương tiện, công cụ có tính huỷ diệt trong khai thác tài nguyên và nguồn lợi biển (Điều 56).

Đối với việc bảo vệ môi trường nước sông, phải tuân thủ nguyên tắc bảo vệ môi trường nước sông là một trong những nội dung cơ bản của quy hoạch khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên nước trong lưu vực sông. Các địa phương trên lưu vực sông phải cùng chịu trách nhiệm bảo vệ môi trường nước trong lưu vực sông; chủ động hợp tác khai thác nguồn lợi do tài nguyên nước trong lưu vực sông mang lại và bảo đảm lợi ích cho cộng đồng dân cư (Điều 59). Việc phát triển mới các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đô thị, dân cư tập trung trong lưu vực sông phải được xem xét trong tổng thể toàn lưu vực, có tính đến các yếu tố dòng chảy, chế độ thuỷ văn, sức chịu tải, khả năng tự làm sạch của dòng sông và hiện trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và phát triển đô thị trên toàn lưu vực. Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án phát triển mới khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đô thị, dân cư tập trung, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quy mô lớn trong lưu vực sông phải có sự

tham gia ý kiến của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nơi có sông chảy qua (Điều 60). Ngoài ra, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng quy định rõ ràng về trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với việc bảo vệ môi trường nước trong lưu vực sông (Điều 61).

Đối với việc bảo vệ môi trường nguồn nước hồ, ao, kênh, mương, rạch, nghiêm cấm tổ chức, cá nhân không được lấn chiếm, xây dựng mới các công trình, nhà ở trên mặt nước hoặc trên bờ tiếp giáp mặt nước hồ, ao, kênh, mương, rạch đã được quy hoạch; hạn chế tối đa việc san lấp hồ ao trong đô thị, khu dân cư. Không được đổ đất, đá, cát, sỏi, chất thải rắn, nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường và các loại chất thải khác vào nguồn nước mặt của hồ, ao, kênh, mương, rạch (Điều 63).

Đối với việc bảo vệ môi trường hồ chứa nước phục vụ mục đích thuỷ lợi, thuỷ điện, thì việc xây dựng, quản lý và vận hành hồ chứa nước phục vụ mục đích thuỷ lợi, thuỷ điện phải gắn với bảo vệ môi trường; không được lấn chiếm diện tích hồ, đổ chất thải rắn, đất, đá, nước thải chưa qua xử lý vào lòng hồ (Điều 64).

Đối với việc thăm dò, khai thác nước dưới đất, thì dự án khai thác nước dưới lòng đất có công suất từ 10.000 mét khối trong một ngày đêm trở lên phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; chỉ sử dụng các loại hoá chất trong danh mục cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thăm dò, khai thác nước dưới đất; nghiêm cấm việc đưa vào nguồn nước dưới đất các loại hoá chất, chất độc hại, chất thải, vi sinh vật chưa được kiểm định và các tác nhân độc hại khác đối với con người và sinh vật; có biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước dưới đất qua giếng khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất; cơ sở khai thác nước dưới đất có trách

nhiệm phục hồi môi trường khu vực thăm dò, khai thác; các lỗ khoan thăm dò, lỗ khoan khai thác không còn sử dụng phải được lắp lại theo đúng quy trình kỹ thuật để tránh làm ô nhiễm nguồn nước dưới đất (Điều 65).

## 10. Về quản lý chất thải

Quản lý chất thải là hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu huỷ, thải loại chất thải. Luật bảo vệ môi trường năm 1993 đã có quy định về quản lý chất thải tại Điều 26, tuy nhiên còn sơ sài. Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã quy định việc quản lý chất thải thành một chương mới nhằm cụ thể hoá quyền và nghĩa vụ đối với từng trường hợp.

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định tổ chức, cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải có trách nhiệm giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng để hạn chế đến mức thấp nhất lượng chất thải phải tiêu huỷ, thải bỏ (Điều 66); quy định rõ trách nhiệm đối với việc thu hồi, xử lý sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đối với sản phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ (Điều 67). Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở tái chế chất thải được Nhà nước ưu đãi về thuế, hỗ trợ vốn, đất đai để xây dựng cơ sở tái chế chất thải (Điều 68). Ngoài ra, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng đã quy định rõ trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân các cấp trong quản lý chất thải như việc lập quy hoạch, bố trí mặt bằng cho việc tập kết chất thải rắn sinh hoạt, xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, khu chôn lấp chất thải; đầu tư, xây dựng, vận hành các công trình công cộng phục vụ quản lý chất thải thuộc phạm vi quản lý của mình; kiểm tra, giám định các công trình quản lý chất thải của tổ chức, cá nhân trước khi đưa vào sử dụng; ban hành và thực hiện chính sách ưu đãi,

hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật (Điều 69).

Đối với chất thải nguy hại, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định cụ thể quy trình xử lý chất thải nguy hại như lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép và mã số hoạt động quản lý (Điều 70), phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời (Điều 71), vận chuyển (Điều 72) và xử lý (Điều 73).

Đối với chất thải rắn thông thường, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định cụ thể về việc thu gom, vận chuyển (Điều 78), quy hoạch về thu gom, tái chế, tiêu huỷ, chôn lấp (Điều 80).

Đối với nước thải, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định việc thu gom, xử lý nước thải tại các đô thị, khu dân cư tập trung phải có hệ thống thu gom riêng nước mưa và nước thải; nước thải sinh hoạt phải được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi đưa vào môi trường; nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường (Điều 81).

Đối với bụi, khí thải, quy định rõ trách nhiệm quản lý và kiểm soát bụi, khí thải của cá nhân, tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải (Điều 83).

Ngoài ra, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng có quy định cụ thể về quản lý khí thải gây hiệu ứng nhà kính, phá huỷ tầng ôzôn; hạn chế tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ.

## **11. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường**

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 có quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường cụ thể hơn so với Chương II Luật bảo vệ môi trường năm 1993 trước đây.

Để phòng ngừa sự cố môi trường, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định cụ thể trách nhiệm của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường (Điều 86), thực hiện an toàn sinh học (Điều 87), an toàn hoá chất (Điều 88), an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ (Điều 89), trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi gây ra sự cố môi trường (Điều 90).

Để bảo đảm khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường, Điều 92 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã quy định ba cấp ô nhiễm môi trường để làm căn cứ xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm là: bị ô nhiễm, bị ô nhiễm nghiêm trọng và bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng. Theo đó, môi trường bị ô nhiễm trong trường hợp hàm lượng một hoặc nhiều chất gây ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn về chất lượng môi trường. Môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng khi hàm lượng của một hoặc nhiều hóa chất, kim loại nặng vượt quá tiêu chuẩn về chất lượng môi trường từ ba lần trở lên hoặc hàm lượng của một hoặc nhiều chất gây ô nhiễm khác vượt quá tiêu chuẩn về chất lượng môi trường từ năm lần trở lên. Môi trường bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng khi hàm lượng của một hoặc nhiều hóa chất, kim loại nặng vượt quá tiêu chuẩn về chất lượng môi trường từ năm lần trở lên hoặc hàm lượng của một hoặc nhiều chất gây ô nhiễm khác vượt quá tiêu chuẩn về chất lượng môi trường từ mười lần trở lên.

Việc khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường phải tiến hành trên cơ sở điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm. Trách nhiệm điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm được phân định rõ ràng giữa Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khi cơ quan tiến hành việc điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm, tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường có trách nhiệm thực hiện các

yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong quá trình điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường; tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khoẻ và đời sống của nhân dân trong vùng; thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường; bồi thường thiệt hại theo quy định. Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng gây ô nhiễm môi trường thì cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm phối hợp với các bên liên quan để làm rõ trách nhiệm của từng đối tượng trong việc khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường (Điều 93).

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng phân định rõ trách nhiệm khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường trong các trường hợp phức tạp như việc ô nhiễm môi trường xảy ra giữa hai tỉnh hoặc chưa xác định được nguyên nhân.

## **12. Quan trắc và thông tin về môi trường**

Quan trắc và thông tin về môi trường là quy định mới của Luật bảo vệ môi trường năm 2005 so với Luật bảo vệ môi trường năm 1993. Quan trắc môi trường là quá trình theo dõi có hệ thống về môi trường, các yếu tố tác động lên môi trường nhằm cung cấp thông tin phục vụ đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường. Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định cụ thể các chương trình quan trắc môi trường (Điều 94), hệ thống quan trắc môi trường (Điều 95), quy hoạch hệ thống quan trắc môi trường (Điều 96), chương trình quan trắc môi trường (Điều 97).

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định cụ thể về

thông tin môi trường thông qua chỉ thị môi trường, báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh, báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực, báo cáo môi trường quốc gia, thống kê, lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường; công bố, cung cấp thông tin về môi trường; công khai thông tin, dữ liệu về môi trường.

Đối với tổ chức, cá nhân quản lý khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; cơ quan chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường có trách nhiệm công khai với nhân dân, người lao động tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về tình hình môi trường, các biện pháp phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường và biện pháp khắc phục ô nhiễm, suy thoái bằng một trong các hình thức sau: tổ chức họp để phổ biến cho nhân dân, người lao động hoặc thông báo, phổ biến bằng văn bản cho nhân dân, người lao động được biết. Trong trường hợp theo yêu cầu của bên có nhu cầu đối thoại; theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp; theo đơn thư khiếu nại, tố cáo, khởi kiện của tổ chức, cá nhân liên quan thì phải tổ chức đối thoại về môi trường. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường yêu cầu tổ chức đối thoại thì các bên có liên quan thực hiện theo quy định của cơ quan đã yêu cầu (Điều 105).

### **13. Về nguồn lực bảo vệ môi trường**

Trước đây, tại Điều 7 Luật bảo vệ môi trường năm 1993 đã quy định về tổ chức, cá nhân sử dụng thành phần môi trường trong trường hợp cần thiết phải đóng góp tài chính cho việc bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, Luật bảo vệ môi trường năm 1993 mới chỉ dừng lại ở các đối tượng đóng góp tài chính là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh. Trên thực tế, bất kỳ cá nhân, tổ chức nào sử dụng các thành phần của môi trường đều có nguy cơ gây ra ô nhiễm môi trường. Do

vậy, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn dân nên việc huy động các nguồn lực trong xã hội để thực hiện công việc này là cần thiết.

Để công tác bảo vệ môi trường có hiệu quả, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã quy định khá toàn diện về các nguồn lực bảo vệ môi trường như tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, phát triển khoa học, công nghệ, công nghiệp môi trường, xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, đặc biệt là quy định về nguồn lực tài chính.

Việc tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, gương người tốt, việc tốt và các điển hình tốt trong hoạt động bảo vệ môi trường phải được tuyên truyền, phổ biến thường xuyên và rộng rãi. Nhà nước có các giải thưởng, hình thức khen thưởng về bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động bảo vệ môi trường; tổ chức các hình thức tìm hiểu về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường của nhân dân; thực hiện tốt bảo vệ môi trường là căn cứ để xem xét công nhận, phong tặng các danh hiệu thi đua (Điều 106).

Giáo dục về môi trường và đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường bằng việc quy định giáo dục về môi trường là một nội dung của chương trình chính khoá của các cấp học phổ thông. Nhà nước ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường (Điều 107)

Phát triển khoa học, công nghệ về bảo vệ môi trường bằng việc Nhà nước đầu tư nghiên cứu khoa học về môi trường; phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ môi trường; khuyến khích tổ chức, cá nhân phát huy sáng kiến và áp dụng các giải pháp công nghệ trong bảo vệ môi trường. Nhà nước có chính sách ưu đãi chuyển giao công nghệ phục

vụ giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (Điều 108).

Phát triển công nghiệp môi trường, xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo về môi trường bằng cách nhà nước đầu tư và có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân. Nhà nước có trách nhiệm xây dựng năng lực, trang bị máy móc, thiết bị dự báo, cảnh báo về thiên tai, thời tiết; khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dự báo, cảnh báo về thảm họa môi trường nhằm phòng ngừa và hạn chế tác động xấu của thiên tai và sự cố đối với môi trường (Điều 109).

Nhà nước sử dụng các biện pháp tài chính đối với việc bảo vệ môi trường như thực hiện việc thu thuế môi trường đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh một số sản phẩm gây tác động xấu lâu dài đến môi trường và sức khoẻ con người thì phải nộp thuế môi trường (Điều 112); thu phí bảo vệ môi trường đối với tổ chức, cá nhân xả thải ra môi trường hoặc có hoạt động làm phát sinh nguồn tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường (Điều 113); ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên để bảo đảm có tài chính để phục hồi môi trường trong trường hợp gây ra sự cố, ô nhiễm hoặc xử lý sau khai thác (Điều 114); thành lập quỹ bảo vệ môi trường ở trung ương, ngành, lĩnh vực, địa phương và khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thành lập quỹ bảo vệ môi trường ở cơ sở của mình (Điều 115).

Luật bảo vệ môi trường cũng khuyến khích phát triển dịch vụ bảo vệ môi trường thực hiện chủ trương xã hội hóa việc bảo vệ môi trường bằng việc Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường để thực hiện các hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường thông qua hình thức đấu thầu trong các lĩnh vực đã được luật quy định cụ thể. (Điều 116).

## **14. Hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường**

Luật bảo vệ môi trường năm 1993 đã coi trọng hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, tạo hành lang pháp lý thuận lợi thúc đẩy hợp tác song phương, đa phương về môi trường, góp phần thúc đẩy hội nhập, cùng toàn nhân loại bảo vệ môi trường nói chung và hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường trong nước. Kế thừa Luật bảo vệ môi trường năm 1993, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã có những quy định về hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường một cách cụ thể. Theo đó, những điều ước quốc tế có lợi cho việc bảo vệ môi trường toàn cầu, môi trường khu vực và môi trường trong nước được ưu tiên xem xét để ký kết hoặc gia nhập. Đối với điều ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam là thành viên phải được thực hiện đầy đủ (Điều 118). Bên cạnh đó Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả công tác bảo vệ môi trường trong nước; nâng cao vị trí, vai trò của Việt Nam về bảo vệ môi trường trong khu vực và quốc tế. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, hỗ trợ hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, bảo tồn thiên nhiên và các hoạt động khác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Nhà nước Việt Nam đẩy mạnh hợp tác với các nước láng giềng và khu vực để giải quyết các vấn đề quản lý, khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường có liên quan (Điều 120).

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng đã bổ sung quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá (Điều 119). Theo đó, Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân chủ động đáp ứng yêu cầu về môi trường để nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ trên thị trường khu vực và quốc tế. Quy định này nhằm tạo

điều kiện cho các tổ chức, cá nhân phát huy sức sáng tạo trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm phát triển kinh tế đồng thời bảo vệ môi trường bền vững.

### **15. Về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đối với việc bảo vệ môi trường**

Trong hoạt động bảo vệ môi trường không thể thiếu được quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường vì tự thân cơ chế thị trường không thể giải quyết vấn đề môi trường. Trong bối cảnh hiện nay lĩnh vực bảo vệ môi trường vừa phải thực hiện rộng rãi việc xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường vừa phải tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Luật bảo vệ môi trường năm 1993 chưa có những quy định rõ ràng, cụ thể theo hướng phân công, phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, giữa cơ quan quản lý chung và chuyên môn.

Khắc phục nhược điểm đó, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 không tiếp tục quy định quản lý nhà nước về môi trường thành chương chung mà quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên về bảo vệ môi trường trong Chương XIII. Trong đó đã có sự phân định trách nhiệm cụ thể của Chính phủ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong công tác bảo vệ môi trường.

Theo đó, Luật này đã quy định rõ trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công nghiệp, Bộ Thuỷ sản, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong phạm vi quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực ngành mình có trách nhiệm bảo vệ môi trường (Điều 121); quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã về bảo vệ môi trường (Điều 122); và trách

nhiệm của cơ quan chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường (Điều 123).

Quán triệt tư tưởng bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn dân, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng quy định rõ trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ môi trường; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (Điều 124).

## **16. Thanh tra và xử lý vi phạm về môi trường**

Vấn đề thanh tra, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường được quy định tại Điều 40, 41, 42, 43 Luật bảo vệ môi trường năm 1993. Để việc bảo vệ môi trường được tiến hành có hiệu quả và bảo đảm phù hợp với Luật thanh tra, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã có quy định nhằm hoàn thiện chế định về thanh tra môi trường. Theo đó, thanh tra bảo vệ môi trường là thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường. Thẩm quyền, nhiệm vụ của thanh tra bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra. Tổ chức và hoạt động của thanh tra bảo vệ môi trường do Chính phủ quy định (Điều 125).

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng quy định rõ trách nhiệm thực hiện kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường một cách cụ thể của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh Thanh tra bảo vệ môi trường thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra cấp tỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã (Điều 126).

Về vấn đề xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, Luật bảo vệ môi trường năm 1993 trước đây có quy định tại chương VI khen thưởng và xử lý vi phạm. Luật bảo vệ môi

trường năm 2005 không quy định thành chương riêng mà chỉ quy định tại Điều 7 về 16 hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ môi trường. Và tại Điều 127 quy định về xử lý đối với hành vi vi phạm

Như vậy nếu vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm theo luật và các văn bản liên quan trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

## **17. Giải quyết tranh chấp về môi trường**

Vấn đề giải quyết tranh chấp về môi trường đã được quy định tại Luật bảo vệ môi trường năm 1993. Cũng giống như các tranh chấp khác, tranh chấp môi trường cũng phát sinh từ hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quyền và lợi ích của người khác gây ảnh hưởng đến trật tự pháp luật. Trước đây, Luật bảo vệ môi trường năm 1993 chưa có quy định cụ thể về việc giải quyết tranh chấp môi trường, vì vậy cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường chưa hình thành một cách rõ ràng, Toà án hành chính, dân sự chưa được tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp môi trường. Song do đòi hỏi của thực tế cuộc sống hoạt động giải quyết tranh chấp đã được áp dụng ở một số địa phương, thông qua những cơ chế khác của pháp luật. Đối với tranh chấp có tính chất hành chính, căn cứ quan trọng để người dân có thể bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình trước các cơ quan nhà nước có thẩm quyền là quyền khiếu nại của công dân. Nhưng cho đến nay Toà án hành chính cả nước chưa thụ lý giải quyết vụ án hành chính có nội dung môi trường nào vì theo Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính thì trong lĩnh vực môi trường Toà án chỉ có thẩm quyền giải quyết các khiếu kiện xử lý vi phạm hành chính, còn các tranh chấp khác được giải quyết bằng con đường khiếu nại. Đối với tranh chấp giữa tổ chức, cá nhân với nhau thì cơ chế giải quyết các yêu cầu đòi chấm dứt hành vi gây ô nhiễm, bồi thường thiệt hại do

hành vi làm ô nhiễm môi trường gây nên thường được thực hiện thông qua thương lượng, hoà giải với sự tham gia của các cơ quan quản lý về môi trường mà chủ yếu là thanh tra môi trường. Do chưa có mô hình hoà giải thích hợp nên thanh tra môi trường đảm nhận vai trò làm trung gian hoà giải. Việc này đã góp phần giải quyết những yêu cầu trước mắt trong việc giải quyết tranh chấp về môi trường thời gian vừa qua. Nhưng việc đứng ra hoà giải của thanh tra môi trường mang tính tự phát, không có cơ chế bảo đảm cho hoạt động này được tiến hành một cách hiệu quả do vậy hiệu lực thi hành các quyết định hoà giải thấp, khó bảo đảm công minh. Quá trình giải quyết tranh chấp môi trường có yếu tố nước ngoài gặp nhiều khó khăn, vấn đề tranh chấp môi trường chưa được giải quyết tại các trung tâm trọng tài.

Luật bảo vệ môi trường năm 2005 tiếp tục hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường. Theo đó, tranh chấp về môi trường được xác định là tranh chấp về quyền, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng thành phần môi trường; tranh chấp về việc xác định nguyên nhân gây ra ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường gây ra (khoản 1 Điều 129).

Trong quan hệ tranh chấp về môi trường, các bên tranh chấp về môi trường bao gồm tổ chức, cá nhân sử dụng thành phần môi trường có tranh chấp với nhau; giữa tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các thành phần môi trường và tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cải tạo, phục hồi khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, bồi thường thiệt hại về môi trường (khoản 2 Điều 129).

Điều 128 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 cũng quy định rõ tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại Toà án về hành vi vi

phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Việc giải quyết tranh chấp về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự ngoài hợp đồng và các quy định khác của pháp luật có liên quan (khoản 3 Điều 129).

Đối với trường hợp tranh chấp về môi trường trên lãnh thổ Việt Nam mà một hoặc các bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài được giải quyết theo pháp luật Việt Nam; trừ trường hợp có quy định khác trong điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (khoản 4 Điều 129).

### **18. Về bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường**

Trong quá trình giải quyết tranh chấp về môi trường, vấn đề bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường cũng đã được đặt ra. Song Luật bảo vệ môi trường năm 1993 chưa có quy định về cơ chế bồi thường thiệt hại về môi trường. Vì vậy quá trình giải quyết chủ yếu dựa trên cơ sở thỏa thuận mà thiếu cơ sở pháp lý. Điều 131 của Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã quy định rõ vấn đề xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường.

Để xác định mức độ thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường thì giám định là một vấn đề quan trọng. Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định việc giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được thực hiện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc cơ quan giải quyết việc bồi thường thiệt hại về môi trường. Căn cứ giám định thiệt hại là hồ sơ đòi bồi thường thiệt hại, các thông tin, số liệu, chứng cứ và các căn cứ khác liên quan đến bồi thường thiệt hại và đối tượng gây thiệt hại. Việc lựa chọn cơ quan giám định thiệt hại phải được sự đồng thuận của bên đòi bồi thường và bên phải bồi

thường; trường hợp các bên không thống nhất thì việc chọn tổ chức giám định thiệt hại do cơ quan được giao trách nhiệm giải quyết việc bồi thường thiệt hại quyết định (Điều 132).

Luật bảo vệ môi trường cũng xác định rõ tại Điều 133 về các cơ quan có thẩm quyền giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường. Theo đó, việc giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường được thực hiện trên cơ sở tự thoả thuận của các bên. Trường hợp các bên không thoả thuận được với nhau thì có thể thống nhất yêu cầu trọng tài hoặc khởi kiện tại Toà án giải quyết. Với quy định này cho thấy kể từ nay trở đi việc giải quyết tranh chấp về môi trường sẽ do Toà án hoặc trọng tài giải quyết.

Tóm lại, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã có sự tiến bộ đáng kể so với Luật bảo vệ môi trường năm 1993, đã quy định một cách hệ thống các hoạt động bảo vệ môi trường như các chính sách, biện pháp và nguồn lực cho bảo vệ môi trường; quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được quy định cụ thể, chi tiết, phù hợp hơn với thực tiễn cuộc sống; sử dụng đồng bộ các công cụ, biện pháp quản lý môi trường; áp dụng nhiều chế tài mới và mạnh hơn nhằm nâng cao ý thức, vai trò của người dân trong hoạt động bảo vệ môi trường, xã hội hoá mạnh mẽ hoạt động bảo vệ môi trường. Với các quy định chi tiết, bao quát và có tính khả thi, Luật bảo vệ môi trường năm 2005 là cơ sở pháp lý vững vàng thúc đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển.